

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT

Ngày 16/02/2023

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng xây dựng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hữu Hải

Ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tô Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Mạc Minh Song - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLPT-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2022, về "Tranh chấp Hợp đồng xây dựng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022; các Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐ-PT ngày 29/12/2022 và số 01/2023/QĐ-PT ngày 10/01/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH NW Việt Nam; địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã VL, huyện YB, tỉnh Yên Bái; đại diện theo pháp luật: Ông Zhao Jian H - Tổng giám đốc (có mặt); đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tất Th - Cán bộ Công ty (theo giấy ủy quyền ngày 15/11/2022); ông Th vắng mặt.

Người phiên dịch của ông Zhao Jian H: Ông Hà Minh K – Cán bộ Công ty TNHH NW Việt Nam (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Ch – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV PT thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hải Phòng; địa chỉ: 282 ĐN, phường VM, quận NQ, Thành phố Hải Phòng; ông Ch vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần IDC LH; địa chỉ: Số 27, đường TL, phường NX, quận LC, Thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang T - Chủ tịch HĐQT; ông T vắng mặt; đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Điều Tr –

Cán bộ phụ trách pháp lý Công ty (theo giấy ủy quyền ngày 12/02/2022); ông Tr có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH tư vấn thiết kế giám sát NS; địa chỉ: Số 07, ngõ 337, đường ĐĐ, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái; đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Nh - Giám đốc Công ty; đại diện theo uỷ quyền: Ông Đoàn Quang H1 – Kỹ sư xây dựng cầu đường (theo giấy ủy quyền ngày 20/11/2022); ông H1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty TNHH một thành viên PAV; địa chỉ: Số nhà 116, đường LL, tổ 13, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Bình V – Giám đốc công ty; ông V vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng HA; địa chỉ: Số 256B, đường QT, tổ 2, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Thu H2 – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty; bà H2 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Đơn vị giám định: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C; địa chỉ: Số 01, đường NVC, tổ 11, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Lan Ph – Phó giám đốc Công ty (theo giấy ủy quyền ngày 28/9/2022); bà Ph vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần IDC LH là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái, vụ án có nội dung như sau:

Ngày 20/4/2020 Công ty TNHH NW Việt Nam (gọi tắt là Công ty NW) ký Hợp đồng số 16/2020/HĐXD với Công ty Cổ phần IDC LH (gọi tắt là Công ty LH) về việc “San tạo mặt bằng nhà máy sản xuất ván lát sàn NW” trong Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái. Hợp đồng được chia làm 3 giai đoạn thi công và thanh toán.

Khối lượng công việc là san tạo khoảng 53.300m² đất tự nhiên trong khu công nghiệp phía Nam; kích thước hình dọc theo sơ đồ thiết kế đã duyệt, cao hơn mặt hành lang đường trục A tại điểm đầu của khu đất là 2,55m; tiến hành san lấp từng lớp, phải đảm bảo độ chặt k90 trở lên.

Khối lượng san tạo được hai bên thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng, cụ thể: Đào san đất bằng máy đào đất cấp III khối lượng 488.694,00m³ x đơn giá 7.960 đồng = 3.890.004.240 đồng; Đào san đất bằng máy đào đất cấp II khối lượng 117.140,00m³ x 3.300 đồng = 386.562.000 đồng; san đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt yêu cầu K = 0,85 khối lượng 117.140,00m³ x 2.350 đồng = 275.279.000 đồng; vận chuyển đất thừa đổ đi khối lượng 358.795,00m³ x 16.500 đồng = 5.920.117.500 đồng; đào nền đường làm mới bằng máy đào đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp III khối lượng 29,40m³ x 1.218.915 đồng = 35.836.101 đồng.

Tổng giá trị hợp đồng: 10.507.798.841 đồng + VAT 10% (1.050.779.800 đồng) = 11.558.577.800 đồng.

Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thì “Loại hợp đồng này không thay đổi về giá và khối lượng công việc”.

Hồ sơ thiết kế san tạo mặt bằng nêu trên được Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng HA thiết kế (gọi tắt là Công ty HA) và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng ML (gọi tắt là Công ty ML) thẩm định ngày 24/7/2019 đã được Công ty NW bàn giao cho Công ty LH làm căn cứ tính toán khối lượng, giá trị để hai bên ký kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty NW đã thanh toán cho Công ty LH tổng số tiền là 10.980.648.910 đồng. Công ty LH đã xuất hoá đơn VAT cho Công ty NW là 9.237.690.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty LH cho rằng khối lượng thi công thực tế đã vượt quá hợp đồng đã ký, do phát sinh từ khối lượng đất chuyển đi.

Ngày 21/01/2021, Công ty NW ký Hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên PAV (gọi tắt là Công ty PAV) thực hiện việc khảo sát, đo vẽ, kiểm tra lại khối lượng san nền phục vụ xây dựng Nhà máy sản xuất ván lát sàn NW, kết quả: Khối lượng đào do Công ty LH thực hiện là 569.210,04m³; khối lượng đắp là 48.869,28m³; trị giá số tiền thi công san tạo mặt bằng là 14.731.910.600 đồng.

Không nhất trí với kết quả của Công ty PAV, Công ty NW hợp đồng với Công ty TNHH tư vấn thiết kế giám sát NS (gọi tắt là Công ty NS) để tư vấn, đo vẽ tính toán lại khối lượng, kết quả: Khối lượng đất đá san mặt bằng là 545.672,26m³. Trong đó khối lượng đào đất đá là 440.484,87m³; khối lượng đắp mặt bằng là 105.187,39m³. Tổng cộng số tiền san tạo mặt bằng cho nhà máy là 10.510.153.500 đồng (đã bao gồm VAT).

Tại kết luận giám định tư pháp số 01/2022/KLGD-XD ngày 31/8/2022 và Văn bản đính chính kết luận giám định tư pháp số 341/CCS-VB ngày 15/9/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C (gọi tắt là Công ty C) kết luận khối lượng sau khi đo đạc tính toán như sau: Tổng khối lượng đào, đắp: 561.166,30m³. Trong đó: Tổng khối lượng đào: 445.624,86m³; tổng khối lượng đắp: 115.541,44m³; khối lượng vận chuyển đất đổ đi sau khi nhân hệ số lu lèn K=1,07 là: 321.995,52m³; tương ứng với tổng giá trị thi công san tạo mặt bằng là 10.503.619.722,86 (mười tỷ năm trăm linh ba triệu sáu trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi hai phẩy tám sáu đồng).

Chi phí giám định trong vụ án là 45.178.000 đồng. Công ty NW đã nộp tạm ứng số tiền nêu trên.

* Yêu cầu của nguyên đơn:

Công ty NW đề nghị Tòa án buộc Công ty LH phải trả lại số tiền Công ty NW đã thanh toán thừa cho Công ty LH và xuất hóa đơn số tiền còn thiếu. Trong Đơn khởi kiện, Công ty NW tính toán theo số liệu của Công ty NS, tuy

nhiên sau khi có kết luận giám định, Công ty NW đề nghị được lấy theo số liệu của kết luận giám định, cụ thể Công ty NW đề nghị Tòa án buộc Công ty LH:

+) Phải hoàn trả số tiền đã thanh toán thừa là: 10.980.648.910 đồng - 10.503.619.722,86 đồng = 477.029.187,14 đồng.

+) Xuất hóa đơn cho Công ty NW số tiền còn thiếu là: 10.503.619.722,86 đồng - 9.237.690.000 đồng = 1.265.929.722,86 đồng.

Công ty NW không nhất trí với yêu cầu phản tố của Công ty LH.

* Ý kiến và yêu cầu phản tố của Công ty LH:

- Công ty LH không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Công ty LH căn cứ vào kết quả tính toán của Công ty PAV xác định trị giá số tiền thi công san tạo mặt bằng là 14.731.910.600 đồng, đề nghị Tòa án buộc Công ty NW phải trả số tiền thanh toán còn thiếu cho Công ty LH là: 14.731.910.600 đồng - 10.980.648.910 đồng = 3.751.261.690 đồng và tiền lãi phát sinh từ giá trị quyết toán công trình từ ngày 08/02/2021 → 08/7/2022 trên số tiền 3.014.665.115 đồng, lãi suất 10%/năm là 425.369.248 đồng + tiền lãi bảo hành công trình 5% tổng giá trị hợp đồng từ ngày 08/02/2021 → 08/7/2022 trên số tiền 736.595.475 đồng, lãi suất 10%/năm là 67.251.167 đồng. Tổng cộng là 4.243.881.005 đồng (bốn tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu tám trăm tám mươi một nghìn không trăm linh năm đồng).

Công ty LH không nhất trí kết luận giám định và đề nghị giám định lại, với lý do hồ sơ khảo sát của Công ty HA không phản ánh đúng hiện trạng thực tế ban đầu của dự án, đề nghị Tòa án giám định lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty LH thay đổi yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án buộc Công ty NW phải trả số tiền thanh toán còn thiếu là 5.758.481.137 đồng (căn cứ theo hồ sơ của Trung tâm phát triển dịch vụ và hạ tầng Ban quản lý khu công nghiệp Yên Bái), rút yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ giá trị quyết toán và tiền bảo hành công trình.

* Ý kiến của Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng HA (Công ty HA): Công ty LH đã được Công ty NW giao hồ sơ thiết kế của Công ty HA làm cơ sở tính toán, ký kết hợp đồng nhưng khi nhận mặt bằng Công ty LH không kiểm tra lại thực trạng mà thi công luôn làm mất hiện trạng tự nhiên do vậy việc xác định khối lượng thực tế là không thể xác định được.

* Ý kiến của đại diện Công ty TNHH một thành viên PAV (Công ty PAV): Công ty PAV đã đo đạc, khảo sát lại thì thấy khối lượng đào và khối lượng đắp không đúng với thiết kế ban đầu. Công ty LH đã đánh đất sâu hơn 5m, nhưng chiều rộng đánh thiếu 437m². Do vậy số lượng đất đào mà Công ty LH thực hiện tăng so với thiết kế ban đầu.

* Ý kiến của đại diện Công ty TNHH tư vấn thiết kế giám sát NS (Công ty NS):

Trước khi đo đạc thì Công ty chúng tôi yêu cầu Công ty NW đề nghị bên thi công là Công ty LH cung cấp mốc cao độ để thi công công trình, nhưng bên

thi công công trình không cung cấp được. Sau đó Công ty NS thống nhất với Công ty NW là lấy mốc VN 2000 (là mốc quốc gia) làm chuẩn để tính toán khối lượng hoàn công.

* Ý kiến của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C (Công ty C): Khối lượng đào đắp mặt bằng như đã nêu tại kết luận giám định số 01/2022/KLGD-XD là hoàn toàn chính xác nên không có căn cứ để giám định lại khối lượng theo như yêu cầu của Công ty LH.

* Tại bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 161, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 274, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 138, 144 Luật Xây dựng; khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH NW Việt Nam: Buộc Công ty Cổ phần IDC LH phải trả lại Công ty TNHH NW Việt Nam số tiền là 477.029.000 đồng (bốn trăm bảy mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng) và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH NW Việt Nam số tiền là 1.265.929.722,86 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng tám sáu).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần IDC LH buộc Công ty TNHH NW Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Cổ phần IDC LH tổng số tiền là 5.758.481.137 đồng (năm tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi một nghìn một trăm ba bảy đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí giám định; tuyên lỗi suất thi hành án, quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Ngày 10/10/2022, bị đơn Công ty Cổ phần IDC LH có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; buộc Công ty TNHH NW Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Cổ phần IDC LH tổng số tiền là 5.758.481.137 đồng.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Rút kháng cáo buộc Công ty TNHH NW Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Cổ phần IDC LH tổng số tiền là 5.758.481.137 đồng.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đề nghị HĐXX tuyên: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần IDC LH, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái. Công ty LH phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần IDC LH trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đơn vị giám định có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt họ là phù hợp khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH NW Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Cổ phần IDC LH tổng số tiền là 5.758.481.137 đồng: Do tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút kháng cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

[3] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng xây dựng số 16/2020/HĐXD ngày 20/4/2020 về việc “San tạo mặt bằng nhà máy sản xuất ván lát sàn NW” trong Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái ký giữa Công ty NW với Công ty LH đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 138 của Luật Xây dựng nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp về hiệu lực của hợp đồng, chỉ tranh chấp về khối lượng đất đào, đắp, khối lượng đất chuyển đi thực tế mà bên Công ty LH đã thi công. Mặc dù đã thuê Công ty PAV và Công ty NS xác định lại khối lượng thi công nhưng nguyên đơn, bị đơn vẫn không thống nhất được. Do vậy, Tòa án căn cứ vào kết luận giám định của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư

Xây dựng C (là đơn vị giám định tư pháp hợp pháp) để xem xét yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào kết luận giám định tư pháp số 01/2022/KLGD-XD ngày 31/8/2022 và đính chính kết luận giám định tư pháp số 341/CCS-VB ngày 15/9/2022 của đơn vị giám định là Công ty C thì tổng khối lượng đào, đắp: 561.166,30m³. Trong đó: Khối lượng đào: 445.624,86m³; tổng khối lượng đắp: 115.541,44m³; vận chuyển đất đắp đi: 321.995,52m³.

Căn cứ vào đơn giá theo Hợp đồng các bên đã ký thì khối lượng đất đào, đắp và vận chuyển đất đắp đi do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C kết luận, có trị giá:

- Đào san đất bằng máy đào, đất cấp III: Khối lượng 445.624,86m³ x đơn giá 7.960 đồng = 3.547.173.885,60 đồng.

- Đào san đất bằng máy đào, đất cấp II: Khối lượng 115.541,44m³ x đơn giá 3.300 đồng = 381.286.752 đồng.

- San đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 16 tấn, độ chặt K=0,85: Khối lượng 115.541,44m³ x đơn giá 2.350 đồng = 271.522.384 đồng.

- Vận chuyển đất thừa đi: Khối lượng 321.995,52m³ x đơn giá 16.500 đồng = 5.312.926.080 đồng.

- Đào nền đường làm mới bằng máy đào, đổ lên phương tiện vận chuyển, đất cấp III (không thay đổi theo phụ lục hợp đồng): Khối lượng 29,40m³ x đơn giá 1.218.915 đồng = 35.836.101 đồng.

Tổng giá trị thanh toán là 9.548.745.202,6 đồng + thuế suất VAT 10% là 954.874.520,26 đồng = 10.503.619.722,86 đồng (mười tỷ năm trăm linh ba triệu sáu trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

Công ty NW đã thanh toán cho Công ty LH số tiền 10.980.648.910 đồng là đã vượt quá giá trị khối lượng thực tế mà Công ty LH đã thi công. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty NW, buộc Công ty LH phải trả lại cho Công ty NW số tiền là 10.980.648.910 đồng – 10.503.619.722,86 đồng = 477.029.187,14 đồng (làm tròn thành 477.029.000 đồng).

Do Công ty LH đã xuất hoá đơn VAT cho Công ty NW số tiền 9.237.690.000 đồng, nên Công ty LH phải tiếp tục xuất hoá đơn VAT số tiền còn lại cho Công ty NW là 1.265.929.722,86 đồng.

Về việc giám định: Do các bên có tranh chấp về khối lượng thi công nên Tòa án nhân dân huyện Yên Bình trưng cầu Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng theo sự giới thiệu của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái là đảm bảo theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng.

Việc Công ty LH yêu cầu giám định lại không được chấp nhận vì:

- Việc giám định của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C được tiến hành hợp pháp, quá trình thực hiện giám định, đại diện Công ty NW và Công ty LH đã thống nhất lấy đường tự nhiên ban đầu theo thiết kế của Công ty

HA và thống nhất được mức cao độ hiện trường thực tế sau khi thi công, nên Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C căn cứ vào sự thống nhất này để giám định là có căn cứ;

- Công trình đã thi công xong, hiện trường đã thay đổi, Công ty LH không cung cấp được tài liệu hợp pháp chứng minh các số liệu của đường tự nhiên ban đầu, ngoài thiết kế của Công ty HA đã được các bên thống nhất để Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C thực hiện giám định.

Do vậy, kết luận giám định của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng C được sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

Về yêu cầu phản tố của Công ty LH yêu cầu Công ty NW phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty LH số tiền còn lại theo Hợp đồng do khối lượng thay đổi tăng lên là 5.758.481.137 đồng (năm tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu bốn trăm tám một nghìn một trăm ba bảy đồng): Do Công ty LH phải trả lại số tiền thanh toán giá trị khối lượng đã thi công mà Công ty NW đã thanh toán thừa. Nên yêu cầu phản tố của Công ty LH là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Do yêu cầu khởi kiện của Công ty NW được chấp nhận nên Công ty NW không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty LH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 477.029.000 đồng do yêu cầu của Công ty NW được Tòa án chấp nhận là 23.081.160 đồng (làm tròn số là 23.081.000 đồng) và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 5.758.481.137 đồng do yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 113.758.481,137 đồng (làm tròn số là 113.758.000 đồng). Tổng cộng là 136.839.000 đồng.

Về chi phí giám định: Căn cứ khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Công ty LH phải chịu toàn bộ chi phí giám định số tiền là 45.178.000 đồng, do Công ty NW đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên Công ty LH phải hoàn trả lại Công ty NW số tiền 45.178.000 đồng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn; tuyên nghĩa vụ về án phí, chi phí giám định, lãi suất thi hành án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc Công ty LH kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là không có cơ sở.

[4] Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty LH.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty LH; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số

01/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Công ty LH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 274, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 138, 144 của Luật Xây dựng; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần IDC LH yêu cầu buộc Công ty TNHH NW Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Cổ phần IDC LH tổng số tiền là 5.758.481.137 đồng. Quyết định của Bản án sơ thẩm đối với phần này có hiệu lực pháp luật.

II. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần IDC LH; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH NW Việt Nam, buộc Công ty Cổ phần IDC LH phải trả lại Công ty TNHH NW Việt Nam số tiền là 477.029.000 đồng (bốn trăm bảy mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng) và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH NW Việt Nam số tiền là 1.265.929.722,86 đồng (một tỉ hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi hai phẩy tám sáu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần IDC LH buộc Công ty TNHH NW Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Cổ phần IDC LH tổng số tiền là 5.758.481.137 đồng (năm tỉ bảy trăm năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi một nghìn một trăm ba bảy đồng).

3. Về án phí:

- Công ty TNHH NW Việt Nam không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.410.000 đồng (mười một triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0001722 ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YB.

- Công ty Cổ phần IDC LH phải chịu 136.839.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.122.000 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0002862 ngày 04/8/2022 tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện YB. Công ty Cổ phần IDC LH còn phải nộp số tiền 80.717.000 đồng (tám mươi triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

4. Về chi phí giám định: Công ty Cổ phần IDC LH phải chịu 45.178.000 đồng (bốn mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Do Công ty TNHH NW Việt Nam đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 45.178.000 đồng (bốn mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng) nên Công ty Cổ phần IDC LH phải hoàn trả cho Công ty TNHH NW Việt Nam số tiền là 45.178.000 đồng (bốn mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

5. Về lãi suất thi hành án: Đối với số tiền Công ty TNHH NW Việt Nam được chấp nhận yêu cầu và tiền chi phí giám định: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần IDC LH phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0002899 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YB, tỉnh Yên Bái (xác nhận đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện YB;
- Chi cục THADS huyện YB;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân

